

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày /01/2026 của UBND xã) Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
Tổng thu ngân sách địa phương xã	222.838.000.000	Tổng chi ngân sách xã	222.838.000.000
I - Các khoản thu 100%	14.550.000.000	I - Chi đầu tư phát triển	65.822.000.000
1 - Phí, lệ phí	300.000.000	1 - Chi đầu tư XD CB	
2 - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210.000.000	2 - Chi đầu tư phát triển khác	
3 - Thu khác	500.000.000	II - Chi thường xuyên	152.219.000.000
4 - Lệ phí trước bạ	13.540.000.000	1 - Chi công tác Quốc phòng, an ninh trật tự	12.574.000.000
II - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	40.328.000.000	- Chi công tác quốc phòng	6.425.000.000
Các khoản thu phân chia (1)		- Chi an ninh trật tự	6.149.000.000
1 - Thu từ khu vực CTN-NQD (GTGT)	10.295.500.000	2 - Sự nghiệp giáo dục	76.326.000.000
2 - Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.504.500.000	3 - Sự nghiệp môi trường	3.372.000.000
3 - Thuế thu nhập cá nhân		4 - Sự nghiệp KHCN	700.000.000
4 - Thuế bảo vệ môi trường		5 - Chi đảm bảo xã hội	8.982.040.000
5 - Tiền thuê đất	8.528.000.000	6- Chi khác	20.349.000.000
6 - Thu tiền sử dụng đất	20.000.000.000	7 - Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	29.915.960.000
III - Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	167.960.000.000	- Văn phòng Đảng uỷ	7.091.000.000
1 - Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	167.960.000.000	- Văn phòng HĐND và UBND	8.215.573.800
2 - Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên		- Phòng Kinh tế	3.407.000.000
IV- Thu chuyển nguồn từ năm trước mang sang(Nếu có)		- Phòng Văn hoá - Xã hội	3.373.240.000
		- Uỷ ban Mặt trận tổ quốc	3.306.000.000
		- Trung tâm phục vụ hành chính công	2.164.000.000
		- Trung tâm dịch vụ tổng hợp	2.359.146.200
		III - Dự phòng	4.797.000.000
		VI - Chuyển chi năm sau (nếu có)	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày /01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	85.690.000.000	222.838.000.000
I	Các khoản thu 100%	18.120.000.000	14.550.000.000
1	Phí, lệ phí	700.000.000	300.000.000
2	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	210.000.000	210.000.000
3	Thu khác	3.670.000.000	500.000.000
4	Lệ phí trước bạ	13.540.000.000	13.540.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	67.570.000.000	40.328.000.000
1	Thu từ khu vực CTN-NQD (GTGT)	17.450.000.000	10.295.500.000
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.550.000.000	1.504.500.000
3	Thuế thu nhập cá nhân	10.870.000.000	
4	Thuế bảo vệ môi trường	1.040.000.000	
5	Tiền thuê đất	10.660.000.000	8.528.000.000
6	Thu tiền sử dụng đất	25.000.000.000	20.000.000.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn	0	0
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	0	167.960.000.000
	- Thu bổ sung cân đối	0	167.960.000.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	0	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày /01/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	222.838.000.000	65.822.000.000	157.016.000.000
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục	76.326.000.000		76.326.000.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	700.000.000		700.000.000
3	Chi y tế	0		
4	Chi văn hoá, thông tin	0		
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		
6	Chi thể dục thể thao	0		
7	Chi bảo vệ môi trường	3.372.000.000		3.372.000.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	0		
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	42.489.960.000		42.489.960.000
10	Chi cho công tác xã hội	8.982.040.000		8.982.040.000
11	Chi khác	20.349.000.000		20.349.000.000
12	Dự phòng ngân sách	4.797.000.000		4.797.000.000

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ - UBND ngày /01/2026 của UBND xã) Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ	645.778.000	413.184.000	232.594.000	710.355.800	454.502.400	255.853.400
1. Các quỹ tại chính nhà nước ngoài ngân sách	645.778.000	413.184.000	232.594.000	710.355.800	454.502.400	255.853.400
Quỹ phòng chống thiên tai	160.716.000	159.890.000	826.000	176.787.600	175.879.000	908.600
Quỹ vì người nghèo	86.055.000	60.711.000	25.344.000	94.660.500	66.782.100	27.878.400
Quỹ nhân đạo	104.636.000	37.435.000	67.201.000	115.099.600	41.178.500	73.921.100
Quỹ nạn nhân chất độc da cam	31.581.000	9.620.000	21.961.000	34.739.100	10.582.000	24.157.100
Quỹ khuyến học	83.364.000	40.348.000	43.016.000	91.700.400	44.382.800	47.317.600
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	83.139.000	42.320.000	40.819.000	91.452.900	46.552.000	44.900.900
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	81.287.000	47.860.000	33.427.000	89.415.700	52.646.000	36.769.700
Quỹ bảo trợ trẻ em	15.000.000	15.000.000	-	16.500.000	16.500.000	-
2. Các hoạt động sự nghiệp						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
 Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi